

**Bài 13.****LUYỆN TẬP****1. Viết theo mẫu :**

| Viết số     | Đọc số                                                     |
|-------------|------------------------------------------------------------|
| 42 570 300  | bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm         |
| 186 250 000 |                                                            |
| 3 303 003   |                                                            |
|             | mười chín triệu không trăm linh năm nghìn một trăm ba mươi |
|             | sáu trăm triệu không trăm linh một nghìn                   |
|             | một tỉ năm trăm triệu                                      |
|             | năm tỉ sáu trăm linh hai triệu                             |

**2. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :**

5 437 052 ; 2 674 399 ; 7 186 500 ; 5 375 302.

.....

**3. Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :**

| Số                   | 247 365 098 | 54 398 725 | 64 270 681 |
|----------------------|-------------|------------|------------|
| Giá trị của chữ số 2 | 200 000 000 |            |            |
| Giá trị của chữ số 7 |             |            |            |
| Giá trị của chữ số 8 |             |            |            |

**4. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :**

Số gồm 5 triệu, 4 chục nghìn, 3 trăm, 2 chục và 1 đơn vị là :

- A. 5 400 321
- B. 5 040 321
- C. 5 004 321
- D. 5 430 021